

Số: 59 /TB-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2023

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐT ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Phương hướng tuyển sinh và liên kết đào tạo năm 2023.

Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thông báo tuyển sinh đại học hệ chính năm 2023, cụ thể như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

2. Phạm vi tuyển sinh

Mã tuyển sinh: TSN

Phạm vi: **Tuyển sinh trên toàn quốc**

Quy mô: **3.600 chỉ tiêu**

3. Phương thức tuyển sinh

Thí sinh có thể sử dụng 1 hoặc đồng thời các phương thức xét tuyển như sau:

Mã phương thức	Phương thức xét tuyển	Thang điểm xét tuyển	Ghi chú
PT1	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT		
PT2	Xét tuyển dựa vào Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG - HCM và Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG - Hà Nội năm 2023	Thang điểm 1200 của ĐHQG-HCM; Thang điểm 150 của ĐHQG-HN	Áp điểm điều kiện tiếng Anh ở một số ngành đào tạo
PT3	Xét tuyển dựa vào Điểm học bạ (Kết quả học tập ở THPT)	Thang điểm 40	
PT4	Xét tuyển dựa vào <u>Điểm thi tốt nghiệp THPT</u> năm 2023	Thang điểm 30	

4. Ngành đào tạo, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển

Bảng 1: Thông tin ngành đào tạo và tổ hợp xét tuyển theo phương thức PT3 và PT4

TT	Mã ngành	Tên ngành, chương trình chuyên ngành	Tổ hợp xét tuyển		Điểm sàn tiếng Anh (trừ tuyển thẳng)
			Theo Điểm thi THPT 2023 (3 môn thi)	Theo kết quả học tập ở THPT (học bạ 4 môn học)	
I	Chương trình đặc biệt				
1	7540105 MP	Công nghệ chế biến thủy sản (Chương trình Minh Phú – NTU)	A01; B00; D01; D07	TO; VL; HH; SH	
2	7620301 MP	Nuôi trồng thủy sản (Chương trình Minh Phú – NTU)	A01; B00; D01; D07	TO; VL; HH; SH	
3	7340101 A	Quản trị kinh doanh (Chương trình song ngữ Anh-Việt)	A01; D01; D07; D96	TA; LS, ĐL, GD CD	X
4	7340301 PHE	Kế toán (Chương trình song ngữ Anh-Việt)	A01; D01; D07; D96	TA; LS, ĐL, GD CD	X
5	7480201 PHE	Công nghệ thông tin (Chương trình song ngữ Anh-Việt)	A01; D01; D07; D90	TO; VL; TH; CN	X
6	7810201 PHE	Quản trị khách sạn (Chương trình song ngữ Anh-Việt)	A01; D01; D07; D96	TA; LS, ĐL, GD CD	X
7	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chương trình song ngữ Pháp-Việt)	D01, D03, D96, D97	ĐL, LS, TA, TP	

TT	Mã ngành	Tên ngành, chương trình chuyên ngành	Tổ hợp xét tuyển		Điểm sàn tiếng Anh (trừ tuyển thẳng)
			Theo Điểm thi THPT 2023 (3 môn thi)	Theo kết quả học tập ở THPT (học bạ 4 môn học)	
II	Chương trình chuẩn				
8	7620303	Khoa học thủy sản (02 chuyên ngành: Khai thác thủy sản, Khoa học thủy sản)	A00; A01; B00; D07	TO; VL; HH; SH	
9	7620305	Quản lý thủy sản	A00; A01; B00; D07	TO; VL; HH; SH	
10	7620301	Nuôi trồng thủy sản	A01; B00; D01; D07	TO; VL; HH; SH	
11	7420201	Công nghệ sinh học	A00; A01; B00; D08	TO; VL; HH; SH	
12	7520320	Kỹ thuật môi trường (02 chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường; Quản lý môi trường và an toàn vệ sinh lao động)	A00; A01; B00; D08	TO; VL; HH; SH	
13	7520103	Kỹ thuật cơ khí (02 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí; Thiết kế và chế tạo số)	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
14	7510202	Công nghệ chế tạo máy	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
15	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
16	7520115	Kỹ thuật nhiệt	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
17	7840106	Khoa học hàng hải (02 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
18	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
19	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	

TT	Mã ngành	Tên ngành, chương trình chuyên ngành	Tổ hợp xét tuyển		Điểm sàn tiếng Anh (trừ tuyển thẳng)
			Theo Điểm thi THPT 2023 (3 môn thi)	Theo kết quả học tập ở THPT (học bạ 4 môn học)	
20	7520130	Kỹ thuật ô tô	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
21	7520201	Kỹ thuật điện (<i>chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử</i>)	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
22	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
23	7580201	Kỹ thuật xây dựng (<i>02 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng</i>)	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
24	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
25	7520301	Kỹ thuật hoá học	A00; A01; B00; D07	TO; VL; HH; CN	
26	7540101	Công nghệ thực phẩm (<i>02 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm</i>)	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; SH	-
27	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (<i>02 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch</i>)	A01; B00; D01; D07	TO; VL; HH; SH	
28	7480201	Công nghệ thông tin (<i>02 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Truyền thông và Mạng máy tính</i>)	A01; D01; D07; D90	TO; VL; TH; CN	X
29	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A01; D01; D07; D96	TO; VL; TH; CN	-
30	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	X

TT	Mã ngành	Tên ngành, chương trình chuyên ngành	Tổ hợp xét tuyển		Điểm sàn tiếng Anh (trừ tuyển thẳng)
			Theo Điểm thi THPT 2023 (3 môn thi)	Theo kết quả học tập ở THPT (học bạ 4 môn học)	
31	7810201	Quản trị khách sạn	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	X
32	7340101	Quản trị kinh doanh	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	X
33	7340115	Marketing	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	X
34	7340121	Kinh doanh thương mại	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	X
35	7340201	Tài chính - Ngân hàng (02 chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng; Công nghệ tài chính)	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	X
36	7340301	Kế toán (02 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	X
37	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	-
38	7220201	Ngôn ngữ Anh (04 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; tiếng Anh du lịch; Giảng dạy tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	X
39	7310101	Kinh tế (02 chuyên ngành: Kinh tế thủy sản; Quản lý kinh tế)	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	-
40	7310105	Kinh tế phát triển	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GD CD	-
	Tổng số 33 ngành (55 CTĐT/chuyên ngành)				13

Bảng 2: Mã và tên chi tiết về tổ hợp xét tuyển theo PT3 và PT4

TT	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển 4 môn học (PT3 – Điểm học bạ)	Mã tổ hợp	Tổ hợp 3 môn thi (PT4 – Điểm thi tốt nghiệp THPT)
1	TO	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, (Toán nhân hệ số 2)	D01	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh
2	VL	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Vật lý	A01	Toán, Vật lý, tiếng Anh
3	HH	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Hóa học	D07	Toán, Hóa học, tiếng Anh
4	SH	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Sinh học	D08	Toán, Sinh học, tiếng Anh
5	CN	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Công nghệ	D14	Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh
6	TH	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Tin học	D15	Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh
7	TA	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (tiếng Anh nhân hệ số 2)	D03	Toán, Ngữ văn, tiếng Pháp
8	LS	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Lịch sử	D90	Toán, KHTN, tiếng Anh
9	ĐL	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Địa lý	D96	Toán, KHXH, tiếng Anh
10	GDCD	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, GDCD		
11	TP	Toán, Ngữ văn, tiếng Pháp (tiếng Pháp nhân hệ số 2)		

5. Chính sách ưu tiên

- Hỗ trợ KTX cho sinh viên theo học ở hai chương trình theo đặt hàng đào tạo của Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (Chương trình Minh Phú – NTU);
- Hỗ trợ KTX cho sinh viên gia đình nghèo, hoàn cảnh khó khăn và học tập tốt ở tất cả các ngành (KTX khuyến học);
- Chính sách học bổng, khen thưởng đối với thủ khoa, á khoa toàn trường và các ngành đào tạo.

6. Tổ chức đăng ký xét tuyển

6.1. Tổ chức thực hiện sơ tuyển

Tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức PT2, PT3, PT4 cần đăng ký sơ tuyển bằng hình thức online (miễn lệ phí sơ tuyển), cụ thể:

- Thời gian đăng ký sơ tuyển: 28/02/2023 – 30/3/2023
- Hệ thống đăng ký sơ tuyển: <https://xettuyen.ntu.edu.vn/>

Sau 02 ngày Thí sinh hoàn tất đăng ký, Nhà trường sẽ thông báo kết quả sơ tuyển đến thí sinh qua email đăng ký truy cập xét tuyển.

6.2. Tổ chức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

6.2.1. Đối với PT1

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT

a. Thời gian xét tuyển: 01/5/2023 - 15/7/2023

b. Hồ sơ xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng theo mẫu quy định;
- Bản photo công chứng học bạ THPT;
- Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tự do đã tốt nghiệp năm trước *hoặc* Giấy chứng nhận tốt nghiệp đối với thí sinh lớp 12 tốt nghiệp năm 2023 (cho phép thí sinh bổ sung khi nhập học);
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng nhận hợp pháp nếu thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành;
- Lệ phí xét tuyển theo quy định.

c. Cách thức nộp hồ sơ: theo một trong ba cách sau đây:

- Nộp phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến (*truy cập website: xettuyen.ntu.edu.vn*);
- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện;
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường.

d. Địa chỉ nộp hồ sơ khi nộp qua đường bưu điện hoặc tại trường:

Phòng Đào tạo Đại học - Trường Đại học Nha Trang. Số 02, Nguyễn Đình Chiểu, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.

6.2.2. Đối với PT2

Xét tuyển bằng Điểm đánh giá năng lực ĐHQG-HCM và ĐHQG-Hà Nội năm 2023

a. Thời gian xét tuyển: 28/2/2023 – 15/5/2023

b. Hồ sơ xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu quy định.
- Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi ĐGNL.
- Lệ phí xét tuyển theo quy định.

c. Hình thức đăng ký xét tuyển: theo một trong 2 cách sau đây:

- Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: xettuyen.ntu.edu.vn
- Đăng ký xét tuyển trực tiếp tại trường.

6.2.3. Đối với PT3

Xét tuyển bằng Điểm học bạ THPT 6 học kỳ với tổ hợp 4 môn học

a. Thời gian xét tuyển: 28/2/2023 – 15/7/2023

b. Hồ sơ xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu quy định.
- Học bạ THPT.
- Lệ phí xét tuyển theo quy định.

c. Hình thức đăng ký xét tuyển: theo một trong 2 cách sau đây:

- Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: xettuyen.ntu.edu.vn
- Đăng ký xét tuyển trực tiếp tại trường.

6.2.4. Đối với PT4

Xét tuyển bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023

a. Thời gian đăng ký:

- ❖ Xét tuyển đợt 1: theo kế hoạch chung của Bộ.
- ❖ Xét tuyển đợt 2 (nếu có): theo kế hoạch riêng của trường.

b. Tổ hợp xét tuyển cho phương thức Điểm thi THPT: Phụ lục kèm theo

c. Hồ sơ xét tuyển:

Hồ sơ và hướng dẫn nộp hồ sơ xét tuyển sẽ thực hiện theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT và của trường THPT nơi thí sinh đang theo học.

Thông tin chi tiết được cung cấp và cập nhật tại:

- Website: www.tuyensinh.ntu.edu.vn
- Fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinhdhnt/>
- ĐT: 0258.3831148; 0258.2212579. Email: tuyensinh@ntu.edu.vn

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các kênh thông tin;
- Lưu: VT, ĐTDH.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



Trang Pi Trung